

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HS-ST

Ngày: 16-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

+Ông Huỳnh Tấn Khoa;

+Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại ấp AL, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2020/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Dương Văn T (Dương Trọng T, Kim Ky X, N), sinh năm 1957, tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Khu vực LT1, phường TL, quận TN, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Trình độ học vấn: 8/12; con ông Dương Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị B, đã chết); Vợ: Sống chung và đã ly hôn với Huỳnh Thị B (Huỳnh Thị Thu B), sinh năm 1966 (không đăng ký kết hôn). Sau đó, sống chung với Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị U), sinh năm 1964 (không đăng ký kết hôn); con: Có 02 người, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1986; anh, chị, em ruột: có 07 người, bị cáo là người thứ tư.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung cha mẹ, học đến lớp 8 nghỉ. Ngày 05/3/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xử phạt 02 năm tù, về tội “Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan Nhà nước”, chấp hành xong ngày 01/9/1994.

- Tiền án: Ngày 02/4/2001, bị Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Long An, xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 06/8/2004, bị Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 10 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/5/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã BR, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xử phạt 08 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 29/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Bình Dương, xử phạt 03 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/12/2013, bị Tòa

án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 06 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 22/9/2018. Chưa được xóa án tích.

-Tiền sự: Không.

- Bị tạm giam ngày 28/8/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Bà Dương Thị H (L), sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp AB, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị U), sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp TQ, xã TH, huyện CD, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Lê Thanh T, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp AT, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp AT, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp, không có tiền tiêu xài, khoảng 05 giờ ngày 28/8/2020, Dương Văn T chuẩn bị 02 cây đoản và 01 cần tuýp bằng kim loại dùng bẻ khóa xe mô tô, đi từ thành phố LX đến khu vực xã HB, huyện CM, tìm xe mô tô để lấy trộm. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, T phát hiện xe mô tô, biển số 67L2-395.05 của bà Dương Thị H, dựng cặp lề đường tại khu vực chợ AT, thuộc ấp AT, xã HB, không người trông giữ, nên T đi bộ đến dùng cây đoản bẻ khóa lấy trộm xe mô tô chạy đi, thì bị Huệ phát hiện tri hô cho Lê Thanh T, Nguyễn Anh K, ngụ cùng ấp, đuổi theo bắt giữ được T, cùng tang vật và trình báo Công an xã HB.

* Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 67L2-395.05; 02 cây đoản và 01 cần tuýp bằng kim loại.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG.TTHS ngày 03/9/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CM: 01 xe mô tô biển số 67L2-395.05, nhãn hiệu Honda Future Fi, màu sơn đỏ - đen, có giá trị 29.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện CM khởi tố, tạm giam T để điều tra xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 55/CT-VKSCM ngày 16 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM đã truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo Dương Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại được tài sản không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

**Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 xe mô tô biển số 67L2-395.05 đã trao trả cho bà Dương Thị H là phù hợp nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 cần tiếp kim loại dài 13cm, một đầu nhọn; một đầu tiếp tự động bốn cạnh; 01 cây đoản kim loại dài 9,3cm, một đầu dẹp, một đầu tròn cục tiếp bốn cạnh; 01 cây đoản kim loại dài 9,2cm, một đầu dẹp, một đầu tròn cục tiếp bốn cạnh là dụng cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên yêu cầu không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra bị hại Dương Thị H trình bày: Xe mô tô biển số 67L2-395.05 của bà mua vào tháng 3/2020, với giá 37.000.000 đồng và đứng tên chủ sở hữu. Ngày 28/8/2020, bị T lấy trộm xe. Trong lúc T điều khiển xe chạy để trốn, thì bị va chạm té ngã, bị bể yếm chắn gió bên trái và cần số phía trước bị cong, đã được Nguyễn Thị Đ (vợ của T) bồi thường 3.000.000 đồng chi phí sửa chữa và được Cơ quan điều tra trao trả lại xe, nên không yêu cầu bồi thường, không yêu cầu xử lý T.

Trong quá trình điều tra bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị U) trình bày: Bà và bị cáo T sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn. Bị cáo đi trộm tài sản bà không biết, bà đã bồi thường chi phí sửa chữa xe cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng, không yêu cầu T trả lại số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai trong

hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà Kiểm sát viên đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Dương Văn T từng bị xét xử 5 lần về tội “Trộm cắp tài sản”, lần gần nhất là ngày 26/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 22/9/2018. Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản là xe mô tô biển số 67L2-395.05 trị giá 29.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đồng thời, sẽ áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt đối với những người xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Để sở hữu được tài sản, người lao động phải trải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới tạo lập được. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã từng bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản, lẽ ra bị cáo xem đó là bài học để cảnh tỉnh tránh xa con đường phạm tội, nhưng ngược lại vì tham lam, muốn có được tài sản của người khác mà không phải tốn công sức lao động, các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử có căn nhắc khi quyết định hình phạt.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 67L2-395.05 trao trả cho bà Dương Thị H là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 cần tiếp kim loại dài 13cm, một đầu nhọn; một đầu tiếp tự động bốn cạnh; 01 cây đoan kim loại dài 9,3cm, một đầu dẹp, một đầu tròn cục tiếp bốn

cạnh; 01 cây đoản kim loại dài 9,2cm, một đầu đẹp, một đầu tròn cục tiếp bốn cạnh là dụng cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Dương Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị U) không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng đã bồi thường cho bà Dương Thị H nên không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Dương Văn T (Dương Trọng T, Kim Ky X, N) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn T (Dương Trọng T, Kim Ky X, N) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2020.

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 cần tiếp kim loại dài 13cm, một đầu nhọn; một đầu tiếp tự động bốn cạnh; 01 cây đoản kim loại dài 9,3cm, một đầu đẹp, một đầu tròn cục tiếp bốn cạnh; 01 cây đoản kim loại dài 9,2cm, một đầu đẹp, một đầu tròn cục tiếp bốn cạnh (Hiện vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2020).

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Dương Văn T (Dương Trọng T, Kim Ky X, N) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện Chợ Mới;
- CQTHAHS Công an huyện Chợ Mới;
- CQĐT Công an huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Dương

